

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03-01-2024

V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hữu.

2. Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Hoàng Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc “tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 434/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 318/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Kim Y, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số nhà D, Tổ D, Khóm D, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Ông Võ Trung N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số nhà D, Tổ D, Khóm D, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Y có mặt, ông N vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Kim Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà Y và ông N có đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2009 tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà Y về sống chung nhà với mẹ ruột của bà Y tại Tổ D, Khóm D, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu

vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2021, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N thường xuyên uống rượu, bia, chửi mắng bà Y và không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Bên cạnh đó, ông N cũng không tôn trọng mà nhiều lần xúc phạm danh dự, nhân phẩm mẹ vợ. Mặc dù, bà Y đã nhiều lần khuyên nhủ để ông N sửa đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông N vẫn không thay đổi. Do đó, bà Y và ông N quyết định sống xa nhau từ tháng 5/2023 cho đến nay. Nhận thấy đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Y yêu cầu ly hôn với ông Võ Trung N.

Về con chung: Vợ chồng bà Y và ông N có 03 người con chung tên là Võ Trung N1, sinh ngày 18/7/2010, Võ Trung N2, sinh ngày 07/4/2018, Võ Trung T, sinh ngày 03/12/2020. Hiện nay, các con chung đang sống chung với bà Y. Sau khi ly hôn, bà Y yêu cầu được nuôi con chung gồm Võ Trung N1, Võ Trung N2, Võ Trung T. Bà Y không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ để chứng minh cuộc sống hôn nhân của bà Y không hạnh phúc là văn bản xác nhận của những người hàng xóm và tổ trưởng tổ nhân dân tự quản nơi vợ chồng bà Y sinh sống.

Bị đơn, ông Võ Trung N đã được Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Lê Thị Kim Y và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Y có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông N và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con; bị đơn có nơi cư trú tại Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Võ Trung N, nhưng ông N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Trung N theo quy

định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông N có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/12/2009 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà Y cung cấp cho thấy trong quá trình chung sống, vợ chồng bà Y và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn tình cảm được. Tại phiên tòa, bà Y cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông N, ông N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến nội dung vụ án và không có mặt tại phiên tòa để trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Y và ông N có nhiều mâu thuẫn, ông N không chăm lo cho gia đình dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, như vậy ông N chưa làm tròn bổn phận, nghĩa vụ của người chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Hơn nữa, vợ chồng sống xa nhau thời gian dài, từ tháng 5/2023 đến nay mà vẫn không hàn gắn tình cảm được, mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Y yêu cầu ly hôn với ông N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét con chung: Bà Y và ông N có 03 người con chung tên là Võ Trung N1, sinh ngày 18/7/2010, Võ Trung N2, sinh ngày 07/4/2018, Võ Trung T, sinh ngày 03/12/2020. Hiện nay, con chung đang sống chung với bà Y. Sau khi ly hôn bà Y yêu cầu được nuôi con chung gồm Võ Trung N1, Võ Trung N2, Võ Trung T. Chị Y không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, bà Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là được tiếp tục nuôi ba con chung. Ông N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Các con chung từ khi sinh ra đến nay đã sống chung với bà Y, có cuộc sống ổn định. Hơn nữa, hai cháu N2 và T còn nhỏ, cần được sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn và nguyện vọng của cháu N1 là muốn được sống chung với bà Y nên yêu cầu được tiếp tục nuôi ba con chung của chị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Xét cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, bà Y không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con và xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông N vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim Y về việc yêu cầu ly hôn với ông Võ Trung N. Bà Y được ly hôn với ông N.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim Y, bà Y được tiếp tục nuôi ba con chung tên Võ Trung N1, sinh ngày 18/7/2010, Võ Trung N2, sinh ngày 07/4/2018, Võ Trung T, sinh ngày 03/12/2020, hiện các con chung đang sống chung với bà Y.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Kim Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007036 ngày 13/10/2023 của Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy bà Y đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Trung N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS ND TPCL;
- Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Cao Lãnh (khi có hiệu lực pháp luật; GCNKH số 89, ngày 04/12/2009);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Nữ Thu Hân